TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH G**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/DS-ST
Ngày: 05/5/2023
V/v:"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân H**.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lưu Th**
Ông **Lê Văn D**

Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Văn Th** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Minh T** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 81/2022/TLST - DS ngày 21/10/2022, về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-DS ngày 24/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-DS ngày 10/4/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng HTX** .

Địa chỉ: Tầng 04, Tòa nhà N04, đường Hoàng Đạo Thúy, phường T, quận C, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Quốc C,** chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng HTX.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Lê Văn Ph -** Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng hàng Hợp tác xã Việt Nam - chi nhánh G. Địa chỉ: 238E Nguyễn Tất Thành, phường P, thành phố P, tỉnh G. Có mặt.

Bị đơn: Bà **Trần Thị Minh K**, sinh năm: 1979. Địa chỉ: Thôn K, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông **Vũ Hoài Th**, sinh năm: 1976 và bà **Trương Thị Minh T**, sinh năm: 1976. Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng HTX trình bày: Ngân hàng HTX, chi nhánh G (gọi tắt là Ngân hàng) có ký kết cho bà bà Trần Thị Minh K vay vốn với mục đích vay: Chăm sóc cà phê, hồ tiêu, bơ và đầu tư tái canh cà phê theo dự án VnSAT, cụ thể như sau:

Khoản vay thứ nhất: Ngày 08/10/2019, bà Trần Thị Minh K ký kết Hợp đồng tín dụng số TC0400060 với Ngân hàng HTX để vay số tiền 400.000.000 đồng; mục đích vay: Chăm sóc cà phê, hồ tiêu, bơ; thời hạn vay 12 tháng và đã được Ngân hàng Hợp tác đồng ý kéo dài thời hạn trả nợ 12 tháng đến 09/10/2021; lãi suất cho vay 10%/năm.

Khoản vay thứ hai: Ngày 04/7/2018 bà Trần Thị Minh K ký kết Hợp đồng tín dụng số DH04000009 với Ngân hàng HTX để vay với số tiền là 200.000.000 đồng. Phương thức cho vay từng lần, thời hạn cho vay là 60 tháng (05 năm) kể từ ngày bên vay bắt đầu nhận tiền vay. Mục đích cho vay là đầu tư tái canh cà phê theo dự án VnSAT. Lãi suất cho vay là áp dụng trong thời gian Ngân hàng Hợp tác chờ bồi hoàn vốn là 10.5%/ năm, trong thời hạn ân hạn gốc là 6.8%/năm và sau thời hạn ân hạn gốc, lãi suất cho vay sẽ do ngân hàng Hợp tác thực hiện theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Để đảm bảo cho khoản vay trên bà K đã thế chấp cho Ngân hàng 02 quyền sử dụng đất sau đây:

- Thửa đất số 17, tờ bản đồ số 47a, diện tích 4.000 m^2, địa chỉ thửa đất tại thôn S, xã T, huyện Đ, tỉnh G theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 146054 do UBND huyện Đ cấp ngày 09/12/2004 cho bà Trần Thị Minh K - sinh năm: 1979.

- Thửa số 254, tờ bản đồ số 47, diện tích 7.519 m^2 ,mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm, địa chỉ Thôn S, xã T, huyện Đ, tỉnh G theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 985000 do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh G cấp ngày 18/06/2018 cho bà Trần Thị Minh K - sinh năm: 1979.

Quá trình thực hiện hợp đồng (tính đến ngày 24/06/2022) bà K đã trả được số tiền nợ gốc là 24.050.000 đồng và tiền lãi là 47.013.757 đồng cho khoản vay thứ nhất và tiền lãi cho khoản vay thứ hai là 28.884.951 đồng, ssau đó bà K không tiếp tục trả nợ gốc và lãi nữa mặc dù đã được phía Ngân hàng nhiều lần thông báo, làm việc. Do vậy đến ngày 18/10/2021 ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ của bà K tại ngân hàng sang nợ quá hạn.

Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trần Thị Minh K phải thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng theo các Hợp đồng cho vay số TC0400060 ký ngày 08/10/2019 và DH04000009 ký ngày 04/07/2018, với tổng số tiền tính đến ngày 05/5/2023 là 750.659.555 đồng *(Bảy trăm năm mươi triệu sáu trăm năm mươi chin ngàn năm trăm năm mươi lăm đồng)*.

Trường hợp bà K không trả được nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp số TC56/2018/HĐTC ký ngày 03/07/2018 được công chứng ngày 03/7/2018 tại Văn phòng Công chứng Đặng An Bình, đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G - Chi nhánh huyện Đ để thu hồi nợ.

Tại bản tự khai ngày 02/11/2022, bị đơn bà Trần Thị Minh K trình bày: Bà K thừa nhận toàn bộ các nội dung như nguyên đơn trình bày và thống nhất với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, do làm ăn thua lỗ, khó khăn nên bà K xin trả nợ dần cho nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Vũ Hoài Th và bà Trương Thị Minh T trình bày: năm 2018, ông Th bà T có thực hiện chuyển nhượng cho bà Trần

Thị Minh K thửa số 254, tờ bản đồ số 47, diện tích 7.519 m^2, địa chỉ Thôn S, xã T, huyện Đ, tỉnh G. Mục đích làm thủ tục chuyển nhượng là để cho bà K đứng tên tài sản này thế chấp đảm bảo vay khoản nợ 400.000.000 đồng của Ngân hang hợp tác xã. Đất và tài sản trên đất vẫn do ông Th và bà T quản lý sử dụng.

Trong số khoản tiền vay này, bà K vay số tiền 250.000.000 đồng, còn lại là bà K vay cho vợ chồng ông Th bà T 150.000.000 đồng. Hàng tháng, ông Th bà T đưa khoản tiền lãi phải trả trên số tiền gốc 150.000.000 đồng cho bà K để bà K trả cho Ngân hàng.

Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ, nếu không trả được nợ thì sẽ xử lý toàn bộ tài sản đã thế chấp thì ông Th và bà K đồng ý. Tuy nhiên, ông Th bà K yêu cầu được dành quyền ưu tiên mua lại tài sản này trong quá trình thi hành án khi bà K không trả được nợ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 750.659.555 đồng *(Bảy trăm năm mươi triệu sáu trăm năm mươi chin ngàn năm trăm năm mươi lăm đồng)*. Trường hợp bà K không trả được nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp số TC56/2018/HĐTC ký ngày 03/07/2018 để thu hồi nợ; Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến tống đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn là bà Trần Thị Minh K, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Hoài Th và bà Trương Thị Minh T. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt, tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà K, ông Th và bà T.

[2] Về nội dung: Ngân hàng HTX, chi nhánh G (gọi tắt là Ngân hàng) có ký kết cho bà bà Trần Thị Minh K vay vốn với mục đích vay: Chăm sóc cà phê, hồ tiêu, bơ và đầu tư tái canh cà phê theo dự án VnSAT, cụ thể như sau:

Khoản vay thứ nhất: Ngày 08/10/2019, bà Trần Thị Minh K ký kết Hợp đồng tín dụng số TC0400060 với Ngân hàng HTX để vay số tiền 400.000.000 đồng; mục đích vay: Chăm sóc cà phê, hồ tiêu, bơ; thời hạn vay 12 tháng và đã được Ngân hàng Hợp tác đồng ý kéo dài thời hạn trả nợ 12 tháng đến 09/10/2021; lãi suất cho vay 10%/năm.

Khoản vay thứ hai: Ngày 04/7/2018 bà Trần Thị Minh K ký kết Hợp đồng tín dụng số DH04000009 với Ngân hàng HTX để vay với số tiền là 200.000.000 đồng. Phương thức cho vay từng lần, thời hạn cho vay là 60 tháng (05 năm) kể từ ngày bên vay bắt đầu nhận

tiền vay. Mục đích cho vay là đầu tư tái canh cà phê theo dự án VnSAT. Lãi suất cho vay là áp dụng trong thời gian Ngân hàng Hợp tác chờ bồi hoàn vốn là 10.5%/ năm, trong thời hạn ân hạn gốc là 6.8%/năm và sau thời hạn ân hạn gốc, lãi suất cho vay sẽ do ngân hàng Hợp tác thực hiện theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Để đảm bảo cho khoản vay trên bà K đã thế chấp cho Ngân hàng 02 quyền sử dụng đất sau đây:

- Thửa đất số 17, tờ bản đồ số 47a, diện tích 4.000 m^2, địa chỉ thửa đất tại thôn Thôn S, xã T, huyện Đ, tỉnh G theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 146054 do UBND huyện Đ cấp ngày 09/12/2004 cho bà Trần Thị Minh K - sinh năm: 1979.

- Thửa số 254, tờ bản đồ số 47, diện tích 7.519 m^2 ,mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm, địa chỉ Thôn S, xã T, huyện Đ, tỉnh G theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 985000 do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh G cấp ngày 18/06/2018 cho bà Trần Thị Minh K - sinh năm: 1979.

Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa các bên là tự nguyện, phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, Luật các tổ chức tín dụng nên hợp pháp. Hợp đồng thế chấp nêu trên đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng (tính đến ngày 24/06/2022) bà K đã trả được số tiền nợ gốc là 24.050.000 đồng và tiền lãi là 47.013.757 đồng cho khoản vay thứ nhất và tiền lãi cho khoản vay thứ hai là 28.884.951 đồng, sau đó bà K không tiếp tục trả nợ gốc và lãi nữa mặc dù đã được phía Ngân hàng nhiều lần thông báo, làm việc. Do vậy đến ngày 18/10/2021 ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ của bà K tại ngân hàng sang nợ quá hạn.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu giải quyết buộc bà Trần Thị Minh K phải thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng theo các Hợp đồng cho vay số TC0400060 ký ngày 08/10/2019 và DH04000009 ký ngày 04/07/2018, với tổng số tiền tính đến ngày 05/5/2023 là 750.659.555 đồng *(Bảy trăm năm mươi triệu sáu trăm năm mươi chin ngàn năm trăm năm mươi lăm đồng)*. Trường hợp bà K không trả được nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp số TC56/2018/HĐTC ký ngày 03/07/2018 được công chứng ngày 03/7/2018 tại Văn phòng Công chứng Đặng An Bình, đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh G - Chi nhánh huyện Đ để thu hồi nợ là có căn cứ, đúng pháp luật, được chấp nhận.

[3] Đối với thửa số 254, tờ bản đồ số 47, diện tích 7.519 m^2 ,mục đích sử dụng là đất trồng cây lâu năm, địa chỉ Thôn S, xã T, huyện Đ, tỉnh G theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 985000 do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh G cấp ngày 18/06/2018 cho bà Trần Thị Minh K - sinh năm 1979. Tài sản này với các tài sản trên đất là do ông Vũ Hoài Th và bà Trương Thị Minh T tạo lập và hiện do ông Th bà T quản lý, sử dụng. Vì vậy, cần dành quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích đất có các tài sản này cho ông Vũ Hoài Th và bà Trương Thị Minh T rong quá trình thi hành án.

[4] Về chí phí xem xét thẩm định tại chỗ: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 15.500.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp đủ số tiền này. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bà K phải trả lại cho nguyên đơn số tiền 15.500.000 đồng.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 317, 318, 319, 320, 322, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự;

- Các Điều 90, 91, Điều 94, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn tổ chức tín dụng cho vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận.

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng HTX.

Buộc bà Trần Thị Minh K phải trả cho Ngân hàng HTX tổng số tiền tổng số tiền còn nợ là 750.659.555 đồng *(Bảy trăm năm mươi triệu sáu trăm năm mươi chin ngàn năm trăm năm mươi lăm đồng)*. Cụ thể:

- Số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay số TC0400060 ngày 08/10/2019: Số tiền nợ gốc là 375.000.000 đồng, số tiền lãi trong hạn là 93.051.391 đồng, số tiền lãi quá hạn là 29.977.781 đồng và lãi phạt của lãi trong hạn chậm trả là 6.427.708 đồng

- Số tiền còn nợ theo Hợp đồng cho vay số DH04000009 ngày 04/07/2018: Số tiền nợ gốc là 200.000.000.000 đồng, số tiền lãi trong hạn là 38.867.926 đồng, số tiền lãi quá hạn là 3.133.563 đồng và lãi phạt của lãi trong hạn chậm trả là 4.201.187 đồng

Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bà Trần Thị Minh K không trả được nợ gốc và nợ lãi nêu trên cho Ngân hàng HTX thì Ngân hàng HTX có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mại các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số TC56/2018/HĐTC ngày 03/07/2018 mà bà K đã ký kết với Ngân hàng để thu hồi nợ.

2. Ông Vũ Hoài Th và bà Trương Thị Minh T được quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất số 254, tờ bản đồ số 47, diện tích 7.519 m^2, địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện Đ, tỉnh G theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 985000 do Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh G cấp ngày 18/06/2018 cho bà Trần Thị Minh K - sinh năm 1979.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Tổng số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 15.500.000 đồng. Nguyên đơn đã nộp đủ số tiền này. Buộc bà Trần Thị Minh K phải trả lại cho Ngân hàng HTX số tiền 15.500.000 đồng *(Mười lăm triệu năm trăm ngàn đồng*).

4. Về án phí:

- Buộc bà Trần Thị Minh K phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 34.026.382 đồng *(Ba mươi bốn triệu không trăm hai mươi sáu ngàn ba trăm tám mươi hai đồng).*
- Hoàn trả lại cho Ngân hàng HTX số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 15.634.602 đồng *(Mười lăm triệu sáu trăm ba mươi bốn ngàn sáu trăm lẻ hai đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0009707 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (05/5/2023), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án; Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn nêu trên kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh G
- VKSND huyện Đ
- Chi cục THADS Đ
- Các đương sự
- Lưu HS, AV, VT

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Xuân H